

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 51/2018/HS-ST

Ngày 31-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đỗ Văn Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Kim Phụng**

Ông **Bùi Quang Phú**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà **Đào Thị Lệ Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh kỳ** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 49/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Thái Ngọc L** sinh năm: 1997, tại Bình Phước; Nơi cư trú: ấp Sóc Rung, xã P, huyện N, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Phật; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 09/12; Cha: Thái Ngọc L1, sinh năm: 1961; Mẹ: Nguyễn Thị M, sinh năm: 1961; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Ngày 24 tháng 08 năm 2016, bị cáo Thái Ngọc L bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước xét xử về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt 09 tháng tù giam. Chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ C an huyện N từ ngày 20/7/2018 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

*** Bị hại:**

1/ Ông Trần Văn T, sinh năm 1973

HKTT: Ấp K57, xã T, huyện N, tỉnh Bình Phước

Vắng mặt tại phiên tòa

2/ Bà Đặng Thị H, sinh năm 1981

HKTT: Ấp Soor Rung, xã P, huyện N, tỉnh Bình Phước

Vắng mặt tại phiên tòa

3/ Ông Vũ Xuân Đ, sinh năm 1980

HKTT: Ấp Sóc Rung, xã P, huyện N, tỉnh Bình Phước

Nghề nghiệp: Giáo viên

Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Đặng Thị Đ1, sinh năm 1976

HKTT: Ấp K57, xã T, huyện N, tỉnh Bình Phước

Vắng mặt tại phiên tòa

2/ Ông Đặng Văn C, sinh năm 1974

HKTT: Ấp Sóc Rung, xã Lộc P, huyện N, tỉnh Bình Phước

Vắng mặt tại phiên tòa

3/ Bà Lê Thị K, sinh năm 1995

HKTT: Ấp Việt Tân, xã Q, huyện N, tỉnh Bình Phước

Vắng mặt tại phiên tòa

4/ Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1990

HKTT: ấp Bù Nôm, xã P, huyện N, tỉnh Bình Phước

Có mặt tại phiên tòa

5/ Bà Tôn Thị Nữ P, sinh năm 1994

HKTT: ấp Bù Nôm, xã Lộc P, huyện N, tỉnh Bình Phước

Có mặt tại phiên tòa

6/ Bà Hồ Thị N, sinh năm 1968

HKTT: ấp Chàng hai, xã Q, huyện N, tỉnh Bình Phước

Vắng mặt tại phiên tòa

7/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962

HKTT: Ấp Sóc Rung, xã Lộc P, huyện N, tỉnh Bình Phước

Có mặt tại phiên tòa

8/ Bà Lê Thị N, sinh năm 1981

HKTT: Ấp Việt Tân, xã Q, huyện N, tỉnh Bình Phước

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 20/7/2018, Thái Ngọc L đang ở nhà thì có bạn tên Lý Thanh B (không rõ địa chỉ) điều khiển xe mô tô hiệu Wave không rõ biển số đến chơi và nhờ L chỉ chỗ nào bán cây Đinh Lăng để Bình mua về bán kiếm lời thì L đồng ý, sau đó L cùng với B chạy xe vào khu vực ấp Sóc Rung, xã Lộc P. Khi đến vườn tiêu của anh Trần Văn T thì thấy có nhiều cây Đinh Lăng loại nhỏ nên Bình không mua, lúc này Bình phát hiện có 01 xe mô tô hiệu Yamaha loại Jupiter biển số: 93T6 – 6229 của anh T dựng trong vườn tiêu có sẵn chìa khóa không có người trông coi nên Bình nói với L đi vào lấy trộm xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài thì L đồng ý, L đi lại chỗ chiếc xe mô tô mở ổ khóa chạy ra hướng xã Lộc Hiệp thì bà Nguyễn Thị Nhung là dì ruột của L gọi điện thoại kêu L đem xe về trả lại cho anh T. Ngay sau đó L đến C an xã Lộc P đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mình. Tuy nhiên trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ không đủ cơ sở xác định Lý Thanh B thực hiện hành vi phạm tội cùng với Thái Ngọc L nên không có cơ sở xử lý B.

Trong quá trình điều tra Thái Ngọc L còn khai nhận ngoài vụ trộm cắp xe trên, L còn thực hiện 02 vụ trộm cắp cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 05/6/2018, Thái Ngọc L đi bộ từ nhà thuộc ấp Sóc Rung, xã Lộc P đến xã Q chơi, đi được một đoạn L gặp một thanh niên không rõ lai lịch đang điều khiển xe mô tô hiệu DH nên L xin đi nhờ xe thì được người thanh niên đồng ý, khi đi đến bãi rác thuộc ấp Bồn Xăng, xã Q, L phát hiện có 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave S biển số: 93F1 – 117.81 của chị Đặng Thị H đang dựng ở lề đường không có người trông coi, L nói người thanh niên này dừng xe lại cho L xuống xe, rồi L lại chỗ chiếc xe mô tô tháo dây điện ổ khóa và nổ máy điều khiển xe đến huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước bán cho một người đàn ông không rõ địa chỉ với giá 3.000.000 đồng, số tiền này L đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi bị mất xe chị Đặng Thị H làm đơn trình báo Cơ quan C an.

Vụ thứ hai: Đến khoảng 19 giờ ngày 04/7/2018, Thái Ngọc L mượn xe mô tô của anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1990, HKTT: Ấp Bù Nồm, xã Lộc P để về nhà, trên đường đi L vào tiệm tạp hóa của anh Vũ Xuân Đ để mua thuốc lá, khi vào trong quán L thấy không có ai nên lại gần chỗ xe nước mía của nhà anh Đ mở ngăn kéo ra thấy có 01 bọc nylon bên trong đựng các thẻ card điện thoại có các mệnh giá 20.000 đồng, 50.000 đồng, 100.000 đồng và 04 thẻ card điện thoại rơi dưới đất có tổng giá tiền là 1.800.000 đồng, L bỏ vào túi mang về nhà anh Đ, sau khi lấy được các thẻ card

điện thoại L cho anh Nguyễn Xuân Đ 02 thẻ card điện thoại mệnh giá 150.000 đồng; cho Tôn Thị Nữ P (vợ Đoàn) 02 card điện thoại mệnh giá 20.000 đồng; nạp 80.000 thẻ card điện thoại cho bạn tên H không rõ nhân thân, lai lịch; nạp 50.000 card điện thoại cho bạn tên N không rõ nhân thân, lai lịch; cho bà Nguyễn Thị N 01 card điện thoại mệnh giá 50.000 đồng; cho Lê Thị K 13 thẻ card điện thoại mệnh giá 20.000 đồng và 01 card điện thoại mệnh giá 50.000 đồng, còn lại 920.000 đồng tiền thẻ card điện thoại L nhờ Kiều bán, Kiều nhờ bà Hồ Thị N, sinh năm 1968, HKTT: Ấp Chàng Hai, xã Q bán cho chị Lê Thị N, sinh năm 1981, HKTT: Ấp Việt Tân, xã Q bán với giá 700.000 đồng, số tiền này L đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi bị mất card điện thoại anh Đ làm đơn trình báo Cơ quan C an.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô hiệu Yamaha loại Jupiter biển số 93T6 – 6229; 01 áo sơ mi; 01 quần kaki lưng.

Đối với 01 bọc nylon bên trong đựng các thẻ card điện thoại có các mệnh giá 20.000 đồng, 50.000 đồng, 100.000 đồng và 04 thẻ card điện thoại rơi dưới đất có tổng giá tiền là 1.800.000 đồng và 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave S biển số: 93F1 – 117.81 do bị cáo Thái Ngọc L đã sử dụng và bán cho người khác nên Cơ quan cảnh sát điều tra không thu hồi được.

Căn cứ biên bản kết luận định giá tài sản số: 04/08/BBKL.ĐGTS ngày 17/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thì 01 chiếc mô tô biển số: 93F1 – 117.81 trị giá 8.500.000 đồng.

Căn cứ biên bản kết luận định giá tài sản số: 04/07/BBKL.ĐGTS ngày 25/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thì 01 chiếc mô tô hiệu Yamaha loại Jupiter biển số: 93T6 – 6229 trị giá 5.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra C an huyện N đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha loại Jupiter biển số: 93T6 – 6229 cho chị Đặng Thị Đ1 là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 áo sơ mi; 01 quần kaki lưng là tài sản của bị cáo Thái Ngọc L không liên quan đến vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo L.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Thái Ngọc L đã tác động bà Nguyễn Thị N bồi thường cho gia đình chị Đặng Thị H số tiền 10.000.000 đồng; Bồi thường cho gia đình anh Vũ Xuân Đ số tiền: 1.800.000 đồng; Còn gia đình anh Trần Văn T không yêu cầu bồi thường, đồng thời bà N không yêu cầu L phải trả lại số tiền mà bà N đã bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 45/CT-VKSLN, ngày 11/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Thái Ngọc L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Đ1 c khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan Đ1 truy tố bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 173; điểm s, b khoản , khoản 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo: Thái Ngọc L từ **24** đến **30** tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Thái Ngọc L đã tác động bà Nguyễn Thị N bồi thường cho gia đình chị Đặng Thị H số tiền 10.000.000 đồng; Bồi thường cho gia đình anh Vũ Xuân Đ số tiền: 1.800.000 đồng; Còn gia đình anh Trần Văn T không yêu cầu bồi thường, đồng thời bà N không yêu cầu L phải trả lại số tiền mà bà N đã bồi thường.

Về tang vật của vụ án: Đối với 01 áo sơ mi; 01 quần kaki lửng là tài sản của Thái Ngọc L, bị cáo không xin lại, tài sản không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ, đã mua chiếc xe mô tô hiệu Wave S biển số: 93F1 – 117.81 do Thái Ngọc L trộm cắp với giá 3.000.000 đồng, Cơ quan cảnh sát điều tra C an huyện N đang tiến hành xác minh làm rõ, có căn cứ sẽ khởi tố sau.

Đối với anh Nguyễn Xuân Đ; Tôn Thị Nữ P; bà Nguyễn Thị N ; Lê Thị K; bà Hồ Thị N; chị Lê Thị N và người tên H , tên N không rõ nhân thân, lai lịch đã được Thái Ngọc L cho và mua thẻ card điện thoại của L nhưng không biết thẻ card điện thoại do Thái Ngọc L trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý mặt hình sự.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra C an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá

trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa xét xử công khai hôm nay, bị cáo đã hoàn toàn thú nhận hành vi phạm tội của mình gây ra, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, phù hợp với kết luận điều tra, cáo trạng và kết luận của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa nên có đủ cơ sở để khẳng định: Vào ngày 05/6/2018, ngày 04/7/2018 và ngày 20/7/2018, Thái Ngọc L đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm cấp 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave S biển số: 93F1 – 117.81 của chị Đặng Thị H trị giá 8.500.000 đồng, các thẻ card điện thoại có các mệnh giá là 20.000 đồng, 50.000 đồng, 100.000 đồng có tổng giá tiền là 1.800.000 đồng của anh Vũ Xuân Đ và 01 xe mô tô hiệu Yamaha loại Jupiter biển số: 93T6 – 6229 của anh Trần Văn T có giá trị 5.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản L chiếm đoạt được là: 15.300.000 đồng. Hành vi của bị cáo là lừa dối, xem thường pháp luật, ảnh hưởng đến trật tự xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của cá nhân được luật pháp bảo vệ. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, có giai đoạn chuẩn bị phạm tội rõ ràng. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Bị cáo nhận thức được trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật và bị pháp luật nghiêm trị. Song do lười biếng lao động, không lo tu chí làm ăn, muốn có tiền để mua ma túy sử dụng nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

[3] Bản thân bị cáo đã có tiền án về hành vi: “Trộm cắp tài sản”. Ngày 24/8/2016, bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 09 tháng tù về Trộm cắp tài sản theo bản án số 60/2016/HSST ngày 24/8/2016. Bị cáo chưa được xóa án tích thì đến ngày 05/6/2018, ngày 04/7/2018 và ngày 20/7/2018 lại tiếp tục phạm tội. Như vậy bị cáo đã tái phạm và phạm tội 02 lần trở lên do đó, trong lần phạm tội này, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng được quy định tại Đ1 h, g khoản 1 Điều 52 BLHS. Hành vi của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử cần xử phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có đủ điều kiện răn đe, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội và để phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, người phạm tội tự thú và phạm tội vào ngày

20/7/2018, chưa gây thiệt hại, người bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo. Đây là những tình tiết xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Thái Ngọc L đã tác động bà Nguyễn Thị N bồi thường cho gia đình chị Đặng Thị H số tiền 10.000.000 đồng; Bồi thường cho gia đình anh Vũ Xuân Đ số tiền: 1.800.000 đồng; Gia đình anh Trần Văn T không yêu cầu bồi thường, bà N không yêu cầu L phải trả lại số tiền mà bà N đã bồi thường thay cho bị cáo. Tại phiên tòa, các bị hại vắng mặt nhưng tại cơ quan điều tra không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 áo sơ mi; 01 quần kaki lưng là tài sản của Thái Ngọc L. Tại phiên tòa bị cáo không xin lại tài sản, xét thấy giá trị tài sản không lớn, đã cũ và đã qua sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ, đã mua chiếc xe mô tô hiệu Wave S biển số: 93F1 – 117.81 do Thái Ngọc L trộm cắp với giá 3.000.000 đồng, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đang tiến hành xác minh làm rõ, Công an đã tách ra để xử lý sau là phù hợp, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh Nguyễn Xuân Đoàn; Tôn Thị Nữ P; bà Nguyễn Thị N; Lê Thị Kiều; bà Hồ Thị Na; chị Lê Thị Nương và người tên Hoa, tên Nhi không rõ nhân thân, lai lịch đã được Thái Ngọc L cho và mua thẻ card điện thoại của L nhưng không biết thẻ card điện thoại do Thái Ngọc L trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý mặt hình sự nên hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Thái Ngọc L** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1) Áp dụng các điểm b, c khoản 1 Điều 173; điểm b, h, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo: Thái Ngọc L **24** (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam bị cáo là ngày 20/7/2018.

2) Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ mi, 01 quần kaki lửng. Số tang vật trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bình Phước đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 0006578 ngày 30/10/2018

3) *Về án phí*: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Thái Ngọc L phải chịu 200.000 đồng án phí HSST

Bị cáo, người có quyền lợi liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú lên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện N
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan
- Chi cục THADS huyện N
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước
- CA huyện N
- CA tỉnh Bình Phước
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Hùng